

TÌM HIỂU VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUA HƯƠNG ƯỚC LÀNG QUỲNH ĐÔI (QUỲNH LƯU - NGHỆ AN)

DƯƠNG VĂN SÁU

Tóm tắt

Trong quá khứ, việc bảo vệ môi trường đã được tiến hành ở các địa phương với những cách thức khác nhau. Làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu – Nghệ An) có một bản Hương ước ra đời ngày 20 tháng 8 năm Dương Hòa thứ 4 (1636). Trong bản Hương ước này, việc bảo vệ môi trường sống đã được cụ thể hóa bằng các điều luật gắn với làng xã buộc mọi người phải chấp hành. Thông qua bản Hương ước, chúng ta học được cách bảo vệ môi trường bằng những tiếp cận cụ thể, gắn với sản xuất và sinh hoạt làng xã. Những quy định chi tiết về việc chấp hành cũng như chịu xử phạt vi phạm đã khiến mọi người, đều phải nêu cao ý thức bảo vệ môi trường sống của mình và cộng đồng. Việc rút ra những bài học về bảo vệ môi trường từ trong quá khứ có ý nghĩa tích cực trong giai đoạn CNH-HĐH đất nước hiện nay.

Từ khóa: Hương ước, bảo vệ môi trường

Abstract

In the past, the environmental protection was carried out in the areas with the various ways. Quynh Doi village (Quynh Luu – Nghe An) in which there was a village convention issued on August 20th, 4th Duong Hoa year (1636). In this convention, the protection of the environment was specified with the regulations associated with villages, which forced people to abide by. Through this convention, we are able to learn how to protect the environment with the specific approaches, associated with the production and village living activities. The detailed rules of observance and sanctions of penalty in the event of violations, which enables every one, every sector to raise their senses of environmental protection, protecting their living environment and community. Finding out the lessons on environmental protection in the past is extremely significant in the course of industrialization and modernization of the country nowadays.

Keyword: Village convention, environmental protection.

1. Những vấn đề chung về môi trường và Hương ước

1.1. Môi trường và bảo vệ môi trường

Bất cứ một sinh vật nào cũng tồn tại trong môi trường sống của nó. Con người không nằm ngoài qui luật này. Môi trường sống của con người trong bất kỳ hoàn cảnh lịch sử nào cũng bao gồm hai hệ thống: môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn (môi trường sinh

thái xã hội). Môi trường sống của con người là tổng hợp các điều kiện vật lý, hóa học, sinh học và xã hội bao quanh. Môi trường sống là yếu tố ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ nhất tới sự phát triển của các cá nhân, cộng đồng trong những thời điểm khác nhau của lịch sử.

Môi trường sống của con người được hình thành từ hai nguồn gốc: nguồn gốc thứ nhất là do trời đất kiến tạo, ban tặng cho con người từ thuở hồng hoang. Nguồn gốc thứ hai được

hình thành trong nỗ lực kiến tạo liên tục, kiên trì, bền bỉ, trong suốt quá trình tồn tại của con người. Con người đã làm biến đổi môi trường một cách tích cực nhằm phục vụ cho các mục đích sống của mình. Tuy nhiên, hoạt động sống của con người bao giờ cũng mang tính hai mặt. Ngoài ý nghĩa tích cực, hành vi ứng xử của con người đôi khi lại gây tác động xấu đến môi trường sống của chính mình.

Trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, bất kỳ một cá nhân hay cộng đồng cư dân nào, ở trong bất cứ thời điểm nào của lịch sử, cũng đều mong muốn được sống trong môi trường thuận lợi trên tất cả mọi bình diện. Mong muốn này là khoa học, căn bản, chính yếu, khách quan và không bao giờ đổi khác. Ở tất cả các thể chế chính trị, bộ máy cầm quyền cai quản, tổ chức, điều hành xã hội bao giờ cũng có nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng môi trường sống của cộng đồng dân cư. Đây là một chức năng cơ bản, thường xuyên, không thể thiếu của bộ máy chính quyền các cấp. Tùy điều kiện cụ thể, từng nơi cụ thể, với nhận thức khác nhau, bằng hình thức cụ thể khác nhau, các cấp quản lý, điều hành xã hội đều có những biện pháp, hành động khác nhau để bảo vệ và xây dựng môi trường sống cho cộng đồng cư dân của mình. Theo *Luật Bảo vệ môi trường* được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tháng 12/1993 và được Chủ tịch nước ký sắc lệnh công bố, chính thức có hiệu lực thi hành từ tháng 1/1994 thì: "Môi trường bao gồm toàn bộ các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên". Môi trường được hiểu theo nghĩa chung nhất là tổng hợp các điều kiện bên ngoài con người, tác động vào cuộc sống của các cá nhân hay cộng đồng, tạo nên cuộc sống của con người trong những điều kiện cụ thể ở một địa bàn cụ thể. Môi trường tự nhiên dù đã và đang bị con người tác động ở các mức độ khác nhau nhưng vẫn phát triển theo những qui luật mang tính đặc thù. Môi trường nhân tạo do các hoạt động

sống của con người tạo ra, được hình thành bởi lao động của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng. Môi trường nhân tạo có nền tảng là môi trường tự nhiên, dựa vào tự nhiên và chịu sự chi phối của tự nhiên.

Bảo vệ môi trường là những hoạt động góp phần gìn giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường; đảm bảo cân bằng sinh thái; ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do thiên nhiên và con người gây ra. Bảo vệ môi trường còn là các động thái của con người nhằm sử dụng, khai thác các tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, khoa học, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững của đất nước, vì lợi ích lâu dài của quốc gia và quốc tế.

1.2. Hương ước trong đời sống văn hóa của cư dân làng xã xưa

Theo *Từ điển Hán Việt* của Đào Duy Anh, "Hương ước là qui luật trong làng". Theo *Từ điển Tiếng Việt*: "Hương ước là luật lệ ở làng xã dưới chế độ cũ, do dân làng đặt ra" (5, tr.474). Xét dưới góc độ văn hóa học, Đinh Gia Khánh cho rằng: Hương ước là một biểu hiện quan trọng của văn hóa dân gian ở làng quê. Về mặt nguyên tắc, Hương ước là sự tự nguyện của toàn thể dân chúng trên một địa bàn dân cư cụ thể. Những thoả thuận được đồng ý mọi người chấp thuận và có nghĩa vụ phải chấp hành. Hương ước gắn bó cả cộng đồng dân cư thành một khối thống nhất, tạo nên sự cố kết chặt chẽ. Hương ước điều tiết các nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của các cá nhân, gia đình trong cộng đồng làng xã. Hương ước không chỉ mang tư cách một luật pháp ở làng quê mà còn có ý nghĩa như là một hệ thống tiêu chuẩn đạo đức. Nó chứa đựng những giá trị văn hóa tinh thần mang bản sắc địa phương. Hương ước chính là những biểu hiện của "lễ thói dân gian". Như vậy, Hương ước chính là một phần của bản sắc văn hóa địa phương và cộng đồng dân cư. Hương ước luôn mang tính bản địa, là sản phẩm của một thời đại và cũng chỉ tồn tại trong những khoảng thời gian nhất định. Vì thế, Hương ước mang tính lịch sử. Dù

được xây dựng như thế nào, khi được thông qua Hương ước cũng là trí tuệ tập thể, là tài sản của cộng đồng, đáp ứng yêu cầu chung của cộng đồng. Do vậy, Hương ước mang tính cộng đồng và thuộc về cộng đồng. Không có tính cộng đồng, không được cộng đồng tuân thủ, Hương ước sẽ không thể tồn tại.

Khác với hệ thống luật pháp của nhà nước, do ra đời nhằm phục vụ lợi ích chỉ của một cộng đồng dân cư nhất định nên nội dung của Hương ước bao giờ cũng mang tính cụ thể. Nội dung của Hương ước bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với tên đất, tên người của một địa phương, mang tính định hướng, hướng dẫn và qui định, bắt buộc người dân địa phương phải chấp hành. Khi vi phạm, người dân sẽ bị cưỡng chế, xử lý với sức mạnh cộng đồng không chỉ về mặt luật pháp, pháp chế mà còn bằng cả hệ thống đạo đức, thuần phong mỹ tục. Nội dung của Hương ước không chỉ phản ánh lợi ích của một cá nhân hay tập thể nào mà xuất phát từ lợi ích cộng đồng, vì cộng đồng và do cộng đồng triển khai thực hiện. Nội dung và kết quả thực hiện các Hương ước là những giá trị văn hóa - đạo đức vĩnh hằng mang tính nhân bản sâu sắc.

2. Những điều khoản liên quan đến bảo vệ môi trường trong Hương ước làng Quỳnh Đôi

Bản Hương ước làng Quỳnh Đôi được biên soạn khá sớm, vào ngày 20 tháng 8 năm Dương Hòa thứ 4 (1636). Nội dung của nó được bổ sung, hoàn thiện liên tục đến năm 1855 dưới thời vua Tự Đức nhà Nguyễn. Bản Hương ước gồm 118 điều, đề cập đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở làng xã. Dưới đây chúng tôi chỉ đề cập tới những điều lệ có liên quan đến việc bảo vệ môi trường tự nhiên trong bản Hương ước này. Những điều lệ trong bản Hương ước cho thấy, cha ông ta đã quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường từ rất sớm. Sự quan tâm đó được cụ thể hóa bằng những biện pháp thích ứng, phù hợp đối với địa bàn dân cư.

Hương ước quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ đất đai, đồng ruộng và hoa màu của người dân được trồng trên đó. Điều đó được thể hiện qua các điều 7 và điều 8 trong bản Hương ước:

- Điều 7: “Năm Cảnh Trị (1666) ngày 15 tháng 7 cả làng bàn, hàng năm cứ đến trung tuần tháng Giêng làng đến những nơi cồn gò trong đồng điền làng và những nơi đã thất tích rồi, nay tra xét lại đều phải đắp lại cả. Cho đến đường đê, lòng đằm, đường sá cũng đều phải bồi đắp lại cho được như khi trước, để làm cho đẹp mạch đất, đông đúc người làng lên, nếu có ai cày xăn lẩn vào thì phải phạt”.

- Điều 8: “Làng ta có bờ cống đập bản làm cống cho nước chảy về phương Mão ở nơi cồn sót, không được cho nước chảy về phương Cấn, để làng được giàu thọ. Bằng ai cho nước chảy về phương khác, phạt tiền 5 quan”.

Hai điều trên cho thấy Hương ước đã quan tâm tới việc bảo vệ môi trường thông qua yếu tố phong thủy. Đây là sự kết hợp bảo vệ môi trường bằng cả yếu tố tâm linh và những điều khế ước cụ thể. Cũng về nội dung này, điều 41 trong khế ước năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755), ngày 16 tháng 4, bổ sung thêm: “Làng bàn các cồn gò là địa mạch của làng, trước đến giờ vẫn còn dấu, vì trung gian nhân tình chẳng còn thiết gì đến, cày lẩn mất nhiều, nay làng cứ dấu cũ đã trồng mốc, đã đo đạc mà đắp lại. Các cồn gò ở địa phận 4 xóm cũng thế, để thông địa mạch, yên dân cư. Từ nay về sau tra xét bồi đắp, nếu ai cày lẩn làm mất mốc địa giới phạt 5 quan”.

Bên cạnh đó, Hương ước còn cụ thể hóa, đề cập đến việc cấy trồng các giống hoa màu, thực vật, góp phần làm xanh môi trường, phủ kín bờ vùng bờ thửa đất trống, tránh để tình trạng hoang hóa đồng ruộng, lãng phí đất đai. Điều 9, Hương ước nói rõ: “Xét các nơi trong đồng điền, nơi nào nơi ấy trồng hoa quả gì thì phải trồng cho hết, không được bỏ không, để cho ai nấy đều được thêm sự nhu dùng. Ruộng vườn không được rào gai để tiện việc cày bừa, không cày bừa ruộng vườn mình mà bỏ hoang thì phải phạt. Mọi vật hoa quả, nếu có kẻ nào hay là trẻ chăn trâu bò ăn trộm, người khác bắt được quả tang không kể nhiều hay ít bắt được ban đêm phạt tiền 5 quan, ban ngày phạt tiền 3 quan”.

Trong Hương ước đã có sự xem xét, đáng giá, phân biệt sự vi phạm, xâm hại môi trường. Ban đêm vi phạm là những người cố ý, cố tình, có chủ định, có sự chuẩn bị. Còn ban ngày, đôi khi do lòng tham bất chợt nảy đến, sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ dẫn đến vi phạm một cách không chủ động. Do vậy mà mức tiền phạt đối với các vi phạm có sự chênh lệch: người vi phạm ban đêm bị phạt vạ nặng hơn người vi phạm ban ngày. Cũng về nội dung này, điều 10 trong Hương ước ghi rõ: “Bất kể người nào cũng không được để trâu bò đạp hư lúa má và hoa quả, không tuân thì chiếu tiền phạt trong khoán đã định mà bắt. Trâu con chưa đến 5 tháng còn theo mẹ mà đạp lúa má thì tha bắt cho. Quá 5 tháng rồi thì phạt tiền 5 quan. Tiền phạt nộp cho ông thủ khoán để đến lễ khai hạ mưa rượu cả làng cùng uống”.

Hương ước với những điều luật cụ thể còn đề cập đến việc đắp đê phòng hộ, bảo vệ dân làng trước các nguy cơ “thủy - hỏa - đạo - tặc”. Các điều 12, 15, 16, 17 còn đề cập đến việc khai thông các dòng chảy, tạo sự lưu thông nguồn nước, giúp cho tưới tiêu và cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho cư dân trong làng xã. Ví dụ, Điều 12: “Chính Hòa năm thứ 4 (1683) ngày 5 tháng 2, quan phó chế yên đẳng Hồ Sĩ Tân hợp đồng với làng cùng bàn rằng, nay các đê còn lại đã đắp xong rồi và đã làm khoán ước rồi thì hàng năm cứ đến ngày 20 tháng Giêng, các hiệu nghe tiếng trống đánh đều phải tề tựu trên bờ đê để bồi đắp cho kiên cố, bằng hiệu nào đến chậm thì phải phạt không tha”.

Các điều 32, 33 được bổ sung vào năm 1728 dưới triều vua Bảo Thái năm thứ 9, đề cập đến việc giữ gìn, bảo vệ các nguồn dẫn nước trong địa bàn như các con ngòi, lạch: “Ngày mồng 8 tháng 8 năm Bảo Thái thứ 9 (1728) giám sát ngự sử Quỳnh quận công gửi giấy về cho làng nói hói* ông Hành là cánh tay trái long mạch của làng, làng nên đắp thêm cho vững bền, nếu có người nào vì lợi nhỏ mà đào xén, làng bắt phạt một con trâu”. Đây là một điều luật qui định hình phạt khá nặng với những ai vi phạm, xâm hại đến nguồn dẫn nước trong làng. Cũng tinh thần như vậy, điều 33 lại nói về

một con hói khác: “hói Nổi là cuống họng thủy đạo làng ta, nên hàng năm cứ đến tuần tháng 5 thì mở ra cho nước chảy, đến tuần tháng 10 thì lấp lại. Trước khi chưa lấp, ai đắp đê để lấy tôm cá thì làng không cấm. Còn khi đã lấp lại rồi hể ai còn đào tháo đê làm cá thì làng chiếu khoán bắt phạt”.

Là một vùng ven biển, đất đai không nhiều lại luôn bị đe dọa bởi nước mặn cho nên dân làng Quỳnh Lưu hết sức lưu ý đến việc bảo vệ các con đê, đập ngăn nước mặn tràn vào đồng bãi. Đi cùng với việc ngăn nước mặn là việc bảo vệ khơi nguồn, nắn mạch cho các con mương, kênh, hói, ngòi... dẫn nước nội đồng để “dẫn thủy nhập điền” phục vụ tưới tiêu nông nghiệp. Việc này được bổ sung, hoàn thiện bằng các điều 35, 36, 37 trong Hương ước. Điều 35, năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751) vào ngày mồng 9 tháng 6 đã ghi: “Làng bàn đập Bản là nơi nước mặn ra vào, là nơi xung yếu, ngày xưa việc đắp đê như thế nào đã có điều ước. Gần đây việc coi giữ đã chẳng được chu đáo cho nên nước mặn tràn vào đồng, mùa màng mất luôn, vì thế mà làng túng đói. Nay gặp lúc đê điều tàn mà không sửa tiếp cho vững chãi để nước mặn tràn vào thì ăn ở vào đâu được. Từ nay làng theo khoán cũ để ra sức đắp giữ đê cho cẩn thận”. Việc bảo vệ đê điều, kè cống, mương máng là trách nhiệm của mọi người dân trong làng nhưng Hương ước đã qui định trách nhiệm cụ thể cho các đối tượng dân cư khác nhau, tùy theo chức trách, quyền hạn và nghĩa vụ. Điều 36 qui định rõ: “Các ông thủ nậu** coi giữ đê cống phải chia ra từng phiên theo tháng mà đổi nhau để coi giữ gia súc, bồi đắp đê cống cho kiên cố. Nếu có chỗ lở khuyết phải bồi đắp lại. Một mình ông thủ nậu không thể làm được phải đốc xuất ngay các trai trong nậu mình đồng sức đắp lại. Cả nậu không làm nổi phải báo cho cả làng đắp cho kịp, không được để cho phá lở to ra. Nếu ông chủ nậu nào không cẩn thận lại không chăm lo bồi đắp, chiếu khoán cũ làng bắt phạt 3 quan”. Những nội dung như vậy đã cho thấy rõ những qui định chặt chẽ về sự phối hợp hành động của cả cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường.

Những nội dung bảo vệ nguồn nước dành cho sinh hoạt, cấy trồng, giao thông được đặc biệt nhấn mạnh thêm trong các điều 76, 77, 80, 81. Điều 76 ghi rõ: “Giếng bà Cả là giếng từ xưa nước vẫn trong và thơm, cả làng đều ăn uống. Người làng ăn uống nước ấy phải nên để dành, phòng khi đại hạn còn đủ nước mà dùng. Hễ ai múc nước ra ngoài giếng để rửa rau, vo gạo, cho trâu bò uống và tắm giặt thì không được. Ai trái phải phạt”. Điều 77: “Các rãnh cống là nơi để cho nước chảy. Khi có nước mưa lụt ngập, cống hói Nổi, cống ông Bành đã mở rồi thì ở trên các cống khác cũng đều phải mở cho nước chảy, không được ngăn lấp để thả đó làm hại lúa má. Ai làm trái điều này phạt một con lợn giá 1,5 quan”.

Bản Hương ước này cũng đề cập đến việc phòng hỏa hoạn trong làng. Đây là một việc không phải làng quê Việt Nam nào cũng quan tâm bởi trước kia dân cư thưa thớt, các nhà dân ở cách xa nhau, ít có tình trạng cháy lan sang các nhà của nhau. Riêng điều 100 trong Hương ước làng Quỳnh Đôi nêu rõ: “Nhà cửa làng ta ở liền nhau nên giữ gìn lửa củi, đến kỳ nắng to hay có gió lớn, nhà nào cũng nên trữ nước để cứu hỏa. Từ đầu giờ Tý đến cuối giờ Mùi không được nhóm lửa. Ông xeo trưởng bốn xóm phải đến từng nhà trong xóm mình khám xét lửa củi cho cẩn thận. Không cẩn thận để phát hỏa thì nhà ấy phạt nặng, ông xeo trưởng cũng bị phạt”.

Bản Hương ước còn cho thấy dân làng đã rất quan tâm đến việc khai thác môi trường vì mục đích lâu dài chứ không chỉ biết đến lợi ích trước mắt. Điều 13 ghi rõ: “Trong đầm nay về sau, nếu ai đánh cá thì chỉ được dùng lưới thưa, cấm dùng lưới dày, nếu không tuân thì làng xé lưới và đem lưới về giữa đình đốt”. Điều 14: “Người nào đánh trộm cá trong đầm làng bắt được ban đêm phạt tiền 10 quan, ban ngày phạt 5 quan. Kẻ đồng tình với người đánh cá cũng bị phạt như thế. Người nào bắt được thì làng thưởng một nửa tiền phạt”.

Bản Hương ước của làng cũng đề cập đến việc khai canh mở đất, khai phá ruộng đất hoang hóa để cấy cày, tăng thêm lương thực

cho dân làng. Những điều 116, 117 đề cập rõ đến nội dung này. Tuy nhiên các điều lệ của bản Hương ước đã chỉ rõ cách thức khai hóa, việc sử dụng sản phẩm thu được sau khi thu hoạch (những người có công đều được thu nhập xứng đáng vì sự phát triển lâu dài). Điều 116, ghi rõ: “Ngày 20 tháng 10 năm Tự Đức thứ 7 (1854) quan tiến sĩ Văn Đức Giai hợp đồng cùng làng bàn, nguyên làng ta có một dải ruộng hoang ở xứ đập bản và vũng cần, làng nên khai thác cho thành ruộng trồng trọt để làm lợi cho làng. Nay làng bàn hễ người nào có sức phá vỡ ra mà cấy được thì trong khoảng 4 năm làng cho ăn không, không phải nộp thuế. Ngoài 4 năm thì làng chiếu lúa trên ruộng được bao nhiêu thì chia ba ra, làng lấy một phần. Làng cho quản nghiệp như thế trong 20 năm, hết hạn phải giao ruộng lại cho làng...”.

Qua những điều trên đây quả thực làng đã đề ra chính sách ưu đãi đầu tư đối với phát triển sản xuất, khai hoang phục hóa vừa có lợi cho người khai phá, vừa có lợi ích lâu dài cho toàn thể dân làng lại làm thay đổi cảnh quan, bộ mặt thôn xóm. Đây quả thực là những chính sách có tầm vóc, chứa đựng tầm nhìn xa trông rộng, chứa đựng bài toán kinh tế vĩ mô trên địa bàn nông thôn làng xã.

3. Một số nhận xét rút ra từ Hương ước làng Quỳnh Đôi

Toàn bộ bản Hương ước lên tới 118 điều cụ thể, đề cập đến mọi mặt của đời sống xã hội ở địa phương. Như vậy, Hương ước đã trở thành một bức tranh toàn cảnh về bộ mặt nông thôn làng xã dưới thời phong kiến. Trong 118 điều của khoán ước, có tới 28 điều liên quan đến việc bảo vệ môi trường của địa phương. Điều đó cho thấy vấn đề bảo vệ môi trường, môi sinh, sinh quyển đã được cha ông ta quan tâm khá sớm và đều được cụ thể hóa thành qui ước, qui tắc, những biện pháp cụ thể, một cách khách quan, khoa học.

Những điều khế ước liên quan đến bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên, tự trung, đề cập đến các lĩnh vực: tôn tạo, giữ gìn địa hình

địa vật có liên quan đến yếu tố phong thủy như các gò đồng, cồn đồi mà trong tâm thức dân gian, đó chính là các “địa mạch” ảnh hưởng đến sự phát triển của làng xã. Bên cạnh đó, các điều luật nhắc nhiều đến việc bảo vệ các con đê, bờ đập ngăn giữ, bảo vệ nguồn nước (để bảo vệ cuộc sống sinh hoạt, sản xuất của người dân). Các qui định cụ thể về việc khơi thông, khai nguồn, nắn mạch cho các dòng chảy nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, dân sinh của cư dân làng xã cũng được nhấn mạnh.

Hệ thống các điều luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường dành nhiều qui định cho việc khai hoang, phục hóa, phủ xanh ruộng đồng, gò đồng, lán biển, đắp đập, ngăn chặn nước mặn tràn vào đồng ruộng, bảo vệ các giếng, nguồn nước ngọt, sạch để phục vụ cho cuộc sống của người dân một. Cùng với đó là việc nuôi trồng các giống hoa màu, vật nuôi, cây trồng hữu ích. Các điều luật của bản Hương ước đã đề cập đến việc phòng chống thiên tai, địch họa, ảnh hưởng đến môi trường. Điều quan trọng hơn, để biến các kế ước thành hiện thực, các điều luật đã qui định, cụ thể hóa chức năng, cơ cấu tổ chức bộ máy, quyền hạn của cá nhân và tập thể trong từng công việc.

Điều quan trọng rất dễ nhận thấy từ các điều luật của Hương ước là tính xã hội hóa cao độ trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường. Hương ước triển khai công việc cụ thể đến tận từng người dân nhưng lại gắn trách nhiệm cho từng tổ chức và cá nhân với nghĩa vụ và quyền lợi rõ ràng, riêng biệt, tránh được tình trạng qui định chung chung, nửa vời dẫn đến thói vô trách nhiệm “cha chung không ai khóc” vốn thường diễn ra ở rất nhiều nơi ở nước ta hiện nay.

Tồn tại qua 219 năm, bản Hương ước luôn được điều chỉnh, bổ sung cho hợp với sự thay đổi của tình hình xã hội qua các giai đoạn lịch sử. Như vậy, Hương ước, lệ làng còn là cơ sở cho sự bình trị quốc gia. Làng - nước gắn bó mật thiết, luôn có sự liên hệ chặt chẽ với nhau: làng có vững, nước mới yên; nước có yên, làng

mới phồn thịnh. Nghiên cứu hệ thống Hương ước chính là góp phần nghiên cứu nông thôn làng xã Việt Nam dưới thời phong kiến. Hương ước làng Quỳnh Đôi đem đến cho chúng ta những bài học quý báu của cha ông trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực bảo vệ môi trường. Những bài học đó đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị, trở thành tiền đề, động lực, cơ sở, căn cứ khoa học, giúp cho việc xây dựng qui ước làng văn hóa ở các địa phương; đồng thời cũng là căn cứ để xây dựng qui hoạch chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của từng tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

D.V.S

(TS, Trưởng khoa Văn hóa du lịch)

Chú thích:

* *Hói: nhánh sông nhỏ để dẫn và tiêu nước*

** *Thủ nậu: người được làng cử ra trông coi công việc đồng áng, ruộng nương cho toàn thôn như tháo nước, giữ cắm nước, diệt chuột, sâu bọ, đuổi chim, canh giữ lúa mạ...*

Tài liệu tham khảo

1. Sở Văn hóa - Thông tin Nghệ An (1998), *Hương ước Nghệ An*.
2. Sở Văn hóa - Thông tin Nghệ An, *Nghệ An di tích và danh thắng*.
3. Nguyễn Trọng Đệ (chủ biên- 1997), *Truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo*, Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam tỉnh hội Nghệ An xuất bản, 238 trang.
4. Viện Sử học (1978), *Đại Nam thực lục* (tập 38), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 380 trang.
5. Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 2/9/2012

Ngày phản biện, đánh giá: 8/1/2013

Ngày chấp nhận đăng: 28/3/2013